

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2019/HS-ST

Ngày: 04/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Viết Khai

Ông Bùi Hữu Chính

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Dương Tiến M - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HSST-QĐ ngày 27/6/2019, đối với bị cáo:

Đỗ Văn Đ, sinh năm 1987; Nơi sinh: Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Ngọc C và bà Phạm Thị K; Vợ là Nguyễn Thị A; Con: Có 2 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: Tháng 11/2015 bị TAND Thành phố H xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, đến ngày 15/6/2018 trở về địa phương; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, thôn K, xã H, huyện T, TP. H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 12/4/2019, Đỗ Văn Đ điều khiển xe mô tô BKS 33P8-8701 đi từ nhà đến nhà chị gái ở gần nhà thờ công giáo xóm Đ, xã H, T, H chơi. Khi đi đến xóm Đ, thôn K, xã H, huyện T, H, Đ phát hiện thấy chiếc xe đạp của chị Vũ Thị Thu H đang dựng trước cửa nhà chị H, bên trong giỏ xe có 01 chiếc túi xách màu hồng bằng da có quai đeo nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp. Đ quan sát thấy xung quanh không có ai nên dừng xe cách 30m rồi đi bộ đến chỗ xe của chị H, dùng tay trái lấy chiếc túi xách và chạy ra xe. Lúc này, chị H đang ở trong nhà nhìn thấy Đ lấy túi xách của mình nên đã hô hoán “Cướp, cướp” rồi đuổi theo, túm kéo áo Đ lại. Song, Đ đã thoát được và nổ máy xe phóng đi. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T là chồng của chị H đã chạy đuổi theo. Khi Đ chạy được khoảng 20m thì bị anh T bắt được rồi giao Đ cùng tang vật cho Công an huyện T giải quyết.

Tang vật thu giữ gồm: 01 chiếc túi xách màu hồng bằng da có quai đeo, bên trong có 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng, bên trong có sim số 0978719461 và 1.708.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 33P8-8701.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL – HĐĐG ngày 18/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: Tổng giá trị tài sản gồm 01 chiếc túi xách màu hồng bằng da có quai đeo; 01 điện thoại Iphone 6s Plus màu vàng có trị giá là 4.348.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 48/CT – VKS ngày 06/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm

tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Đỗ Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Văn Đ.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô BKS 33P8-8701.

Bị cáo Đỗ Văn Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ ngày 12/4/2019, tại xóm Đ, thôn K, xã H, huyện T, TP. H, Đỗ Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 túi xách màu hồng phấn bằng da,

có quai đeo, bên trong có 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng và 1.708.000 đồng của chị Vũ Thị Thu H. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 6.056.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 01 tiền án nên lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung.

6]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Thu H đã nhận lại toàn bộ tài sản. Chị H không có đề nghị nào khác nên Tòa không xem xét.

7]. Đối với 01 túi xách màu hồng bằng da có quai đeo, 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng và 1.708.000 đồng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Vũ Thị Thu H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho H. Chị H nhận lại tài sản và không đề nghị gì nên Tòa không xem xét.

8]. Về xử lý tang vật: Trả lại bị cáo Đỗ Văn Đ 01 xe mô tô BKS 33P8-8701.

9]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đỗ Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 12/4/2019.

3. Về xử lý tang vật: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 trả lại bị cáo Đỗ Văn Đ xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu đen xám, BKS 33P8-8701, số khung 033411, số máy 0064986 (Tang vật hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP H;

- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trung Hòa